

Biển và Chim bói cá của Bùi Ngọc Tấn: Nhìn từ phê bình xã hội học

Nguyễn Thị Thảo Ngân*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Biển và chim bói cá của Bùi Ngọc Tấn là một tác phẩm đặc biệt. Đặc biệt, không chỉ bởi vì tác phẩm vinh dự đoạt giải Henri Queffelec tại Pháp năm 2012, trở thành niềm tự hào của nền văn học đương đại Việt Nam. Hơn hết, *Biển và chim bói cá* là quyển tiểu thuyết ghi dấu chặng đường "hồi sinh từ cõi chết" của cây bút Bùi Ngọc Tấn, sau hơn 5 năm tù không án và 20 năm quay quắt đầu đón sợ đọc, sợ viết.

Là một nhà văn có hoàn cảnh đặc biệt, văn chương Bùi Ngọc Tấn chưa bao giờ tách rời nhịp thở với những biến động xã hội. *Biển và chim bói cá*, giống như một tiểu vũ trụ, một diễn ngôn toàn cảnh chứa đựng tất cả tình yêu thương lẫn nỗi ưu tư, đau xót của một thế hệ con người sống giữa quá nhiều biến cố và xung đột ý thức hệ.

Vượt lên trên tất cả những hạn định ngoại văn học, tinh thần cầm bút của Bùi Ngọc Tấn khi viết *Biển và chim bói cá* là một hiện tượng rất đáng trân trọng. Đây được xem như một quyển tiểu thuyết hiện thực đường hoàng, ngay thẳng, kiên định phơi bày ra ánh sáng một thế giới còn nằm sâu trong bóng tối, bên dưới những vàng son và khẩu hiệu. Ở đó, có những con người lương thiện bị vùi sâu dưới đáy, bị giày xéo quần quai, âm thầm sống và âm thầm chết. "Chữ" của Bùi Ngọc Tấn, là một hợp âm của rất nhiều "chữ" khác được xướng lên từ hàng ngàn, hàng vạn kiếp phù sinh vô danh cùng thời đại. Nó vừa tinh khôi, vừa cay đắng, vừa là tiếng thở dài khắc khoải, nặng trĩu những trăn luan, vừa là kết tinh của tình yêu cuộc sống lẫn niềm tin và khát vọng biển cả xã hội. Lựa chọn tiếp cận tác phẩm bằng phương pháp phê bình xã hội học, chúng tôi muốn tập trung nghiên cứu mối quan hệ đặc biệt giữa đời sống và đời viết của Bùi Ngọc Tấn, được kết tinh thông qua tác phẩm. Từ đó, tạo điều kiện để tìm hiểu sâu hơn giá trị di sản văn học Bùi Ngọc Tấn; về tâm thái đạo đức hay sự ý thức về vai trò xã hội của chính nhà văn trong quá trình sáng tác; về những khát vọng và tính khả dụng của khát vọng dùng văn học để cải tạo xã hội mà người nghệ sĩ Bùi Ngọc Tấn đã dành trọn một đời để ấp ủ.

Từ khoá: Biển và chim bói cá, Bùi Ngọc Tấn, phê bình xã hội học

Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Thảo Ngân, Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
Email: nguyennngan271295@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 17/8/2019
- Ngày chấp nhận: 12/3/2020
- Ngày đăng: 30/3/2020

DOI :10.32508/stdjssh.v4i1.534



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học không bao giờ nằm ngoài môi trường xã hội. Mỗi nhà văn khi sinh ra, đều được bao quanh bởi một bầu sinh quyển xã hội, một hoàn cảnh lịch sử nhất định. Họ không được, và không có quyền lựa chọn thời đại cho riêng mình. Vì thế, dù vô tình hay cố ý, các sáng tác của họ vẫn chịu ảnh hưởng, luôn luôn gắn kết, và bằng một cách nào đó, *mô phỏng (mimesis)* có nguyên tắc chính hệ thống đã tạo ra nó. Văn chương là phạm trù đầy phức tạp và mâu thuẫn. Nó vừa không thể tách mình ra khỏi những quy phạm hiện hữu, lại cũng khát khao được tự chủ, được thừa nhận. Mối quan hệ giữa hai phương diện này là đối tượng trung tâm của phê bình xã hội học.

Từ hoàn cảnh đặc biệt của mình, Bùi Ngọc Tấn là nhà văn luôn đứng giữa hai phương diện ấy mà *Biển và chim bói cá* là kết tinh tiêu biểu nhất. Vì vậy, tiếp cận từ phê bình xã hội học, chúng tôi sẽ có thể nghiên cứu sâu về mối quan hệ giữa môi trường (*không gian, trường, định chế văn học*) và con người (*tư thế nhà văn,*

hành trình xã hội, hành trình văn học), qua tiểu sử và văn bản, từ đó bước đầu xác định căn tính nhà văn.

Nội dung bài viết sẽ triển khai theo logic đi từ tiểu sử tác giả đến văn bản. Các khái niệm mang tính lý thuyết sẽ được chúng tôi trình bày trong từng hệ vấn đề. Trong tham luận này, người viết có đề cập và ứng dụng một số phạm trù xã hội học văn học như "*không gian văn học*", "*định chế văn học*", "*hành trình xã hội*", "*hành trình văn học*", "*tư thế nhà văn*", "*trường văn học*"...

Phê bình xã hội học văn học: giới thuyết và các tiêu điểm nghiên cứu

Phê bình xã hội học là một hướng tiếp cận văn học mang tính liên ngành, có sự kết hợp giữa các khái niệm "văn học" hay "văn chương" với nền tảng khoa học xã hội. Xu hướng này cho phép làm nổi bật mối tương quan giữa văn học và xã hội. Nói đúng hơn, nó cho phép "*nghiên cứu quá trình phát ra diễn ngôn, tiếp nhận diễn ngôn, vai trò trung gian, cũng như tất cả*

Trích dẫn bài báo này: Ngân N T T. *Biển và Chim bói cá của Bùi Ngọc Tấn: Nhìn từ phê bình xã hội học*. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 4(1):226-237.

những gì liên quan tới các quá trình đó trong một dòng chảy lịch sử của quá trình giao tiếp có tính biểu tượng.” [1, tr.27-28].

Xét về tính độc lập dưới cương vị của một ngành khoa học thống nhất, phê bình xã hội học nhận được rất nhiều tranh cãi, lẫn sự bất đồng về mặt phương pháp hay phạm vi nghiên cứu. Tuy nhiên, ta không thể phủ nhận một điều, rằng lý thuyết này thực sự nở rộ vào những năm 80, 90 tại phương Tây và là một hướng tiếp cận còn khá mới lạ, hứa hẹn nhiều tiềm năng tại Việt Nam. Công trình quan trọng nhất chính thức đặt vấn đề về xu hướng phê bình xã hội học chính là tác phẩm *Vẽ văn học trong quan hệ với các định chế xã hội* (*De la littérature considérée dans ses rapports avec les institutions sociales*) của Germaine de Staël. Theo đó, bà đề cập đến mối quan hệ ảnh hưởng giữa “*định chế xã hội*” (*institution*) đối với văn học và ngược lại. Staël đã soi chiếu văn chương vào một không gian, bao gồm cả khía cạnh tôn giáo, phong tục, luật lệ, diễn cảnh xã hội và diễn cảnh chính trị của mỗi quốc gia. Đến Hippolyte Taine, công trình *Lịch sử văn chương Anh* của ông đã xác định văn chương phụ thuộc rất lớn vào 3 yếu tố: giống nòi, môi trường và thời điểm. Vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, G. Lanson nổi lên với công trình *Văn học sử và xã hội học*. Ông cho rằng nhiệm vụ của lịch sử văn học là phải làm rõ được mối liên quan của các phạm trù: môi trường xã hội, tác giả, tác phẩm lẫn ảnh hưởng của tác phẩm tới độc giả. Tuy nhiên do nhiều vấn đề, hướng nghiên cứu này của ông đã không thể tiếp tục phát triển.

Sau sự dừng lại của “Chương trình G. Lanson”, diễn trình phát triển của phê bình xã hội học đã rẽ sang một hướng mới: trường phái Marxisme với các đại diện tiêu biểu là Georg Lukács và Lucien Goldmann. Phương pháp tiếp cận của L. Goldmann dựa trên chủ nghĩa cấu trúc phát sinh. “*Ông tìm cách chỉ ra những tương hợp giữa các cấu trúc của một tác phẩm văn học hay triết học với những cấu trúc xã hội và kinh tế của một nhóm xã hội hay một giai cấp mà nhà văn (hay nhà triết học với tư cách là một tác giả) phụ thuộc vào*” [2, tr.62]. Đến với Robert Escarpit, xã hội học văn học của ông lại quan tâm đến quá trình sản xuất, phát hành và tiêu thụ văn bản viết. Đặc biệt, Pierre Bourdieu và những thành quả nghiên cứu của ông về “lý thuyết trường” (*champ*) đã đặt nền tảng cho một hướng nghiên cứu xã hội học văn học hoàn toàn mới từ nửa sau thế kỷ XX.

Các xu hướng phân tích văn bản vận dụng xã hội học như trên đã làm hình thành trường phái phê bình xã hội học (*sociocritique*). Theo Claude Duchet, phương pháp nghiên cứu này quan tâm đến bản chất xã hội trong văn bản văn học, nhưng hơn hết là quan tâm đến mối quan hệ giữa con người với môi trường trong

quá trình tiếp cận tác phẩm văn học. Phê bình xã hội học văn học tập trung nghiên cứu 3 lĩnh vực: xã hội học sáng tác, xã hội học văn bản và xã hội học tiếp nhận. Trong đó, xã hội học sáng tác là hành trình đi tìm đặc tính nhà văn thông qua những biểu hiện của tác giả. Theo P. Bourdieu, tác giả được xem như một địa cực, một tác nhân quan trọng đảm bảo cho sự giao tiếp văn học. Cách thức tiếp cận từ xã hội học sáng tác cho phép chúng ta kết hợp nghiên cứu từ rất nhiều khía cạnh như *tư thế nhà văn (posture), hành trình tác giả (trajectoire), hay trường (champ)*... [3, tr.155]

Trong tham luận này, khi nghiên cứu *Biển và chim bói cá* của Bùi Ngọc Tấn dưới góc nhìn phê bình xã hội học, cụ thể là nghiên cứu mối quan hệ giữa môi trường với nhà văn, văn bản, chủ yếu đi theo 4 bước:

- Khảo sát quỹ đạo xã hội và văn nghiệp của nhà văn để nghiên cứu được những đặc tính xã hội, hoàn cảnh kinh tế - xã hội, hoàn cảnh thực tế của hoạt động sáng tác văn chương.

- Khảo sát sự tương đồng giữa hoàn cảnh nhà văn và bối cảnh tác phẩm để làm rõ những chất liệu, các ảnh hưởng từ hoàn cảnh sống đến những gì mà nhà văn đã viết.

- Khảo sát về các định chế và hệ thống liên kết của nhà văn để làm rõ mối tương quan giữa nhà văn với các yếu tố văn học, cũng như mức độ tác phẩm được thừa nhận trong hoàn cảnh hiện tại.

- Khảo sát về mức độ tự chủ và nỗ lực xây dựng căn tính riêng của nhà văn thông qua tác phẩm, từ đó tạo điều kiện cho việc mở rộng sự tìm hiểu về tác phẩm.

Tư thế nhà văn, hành trình xã hội, hành trình văn học của Bùi Ngọc Tấn

Khái niệm “*tư thế nhà văn*” (*posture* – từ dùng theo Viala, Maingueneau, Meizoz) theo P. Bourdieu đó chính là một “*cách thức định vị*” (*positionnement*) [3, tr.153-154]; là cách nhà văn thể hiện chính mình trước công chúng thông qua 2 yếu tố: ngoại hình và các phương tiện diễn ngôn. Tiến trình nắm giữ hoặc thể hiện tư thế của một nhà văn không trường cửu, nó có thể thay đổi theo thời gian. Tương ứng với những hoàn cảnh sống khác nhau, dưới những áp lực tác động khác nhau của xã hội, nhà văn có thể có một hoặc nhiều tư thế. Mỗi tư thế đều đem đến một cách thức định vị đối với người đọc. Từ khái niệm này, ứng dụng vào phê bình xã hội học, chúng tôi có thể khảo sát diện mạo của nhà văn thông qua nhiều tư thế mà họ từng nắm giữ, hoặc đi tìm các “*dấu ấn*” đặc thù trong sự liên tục của cùng một tư thế để làm sáng tỏ các “*chiến thuật văn chương*”, sự hiện tại hóa khả năng của nhà văn trên bình diện xã hội để đạt đến sự thừa nhận và tự chủ.

Hành trình xã hội (Social trajectory)

Trường hợp tác giả Bùi Ngọc Tấn, việc nghiên cứu “hành trình xã hội” (social trajectory) của ông khi sáng tác *Biển và chim bói cá*, cũng chính là nghiên cứu về *tư thế nhà văn*. Bởi lẽ, theo P. Bourdieu, hành trình xã hội “được định nghĩa như một chuỗi các vị trí liên tục được nắm giữ bởi một tác nhân hay một nhóm tác nhân trong những không gian liên tiếp”^[3], tr.156]. Sống giữa thời đại nhiễu xạ trộn, Bùi Ngọc Tấn hiện lên với rất nhiều vị thế mang các đặc tính xã hội khác nhau, tuy nhiên ở đây, người viết sẽ chỉ quan sát một số tư thế có quan hệ trực tiếp với sự ra đời của tác phẩm *Biển và chim bói cá*.

Bùi Ngọc Tấn là nhà văn bước vào đời sống văn học với một tư thế xã hội khá phức tạp. Ông sinh ngày 3/7/1934 tại Thủy Nguyên, Hải Phòng trong một gia đình địa chủ nhỏ, đã nên duyên và phục vụ Cách Mạng từ rất sớm – năm 1945. Năm 1947, khi quê hương Thủy Nguyên bị quân Pháp chiếm đóng, Bùi Ngọc Tấn cùng bố mẹ và các anh phải tản cư lên Thái Nguyên. Trong suốt thời gian theo học văn hóa, Bùi Ngọc Tấn tỏ ra là một người có nhiều hứng thú và đam mê viết lách. Đến năm 1954, ông gia nhập Đoàn Thanh niên xung phong trong hành trình trở về tiếp quản Thủ đô Hà Nội.

Tháng 12 năm 1954, Bùi Ngọc Tấn được chuyển về công tác tại báo *Tiến Phong* với bút danh Tân Sắc. Đến năm 1959, sau những dư chấn của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, ông được khuyến là chuyển sang làm việc tại tòa soạn báo Hải Phòng kiến thiết (nay là báo Hải Phòng) để “thâm nhập thực tế, thâm nhập công nông” (từ dùng của Bùi Ngọc Tấn)⁴. Thế nhưng, đây cũng là thời gian mà ông phải sống giữa vòng nghi kỵ, bị tách biệt với các đồng nghiệp khác. Đơn giản, bởi vì Bùi Ngọc Tấn mãi ôm một niềm khắc khoải với văn chương và có nhiều tác phẩm được in thành sách trước đó. Hơn nữa, văn chương mà ông hướng tới khác với các định hướng sử thi, tụng ca thông thường. Ngoài những truyện ngắn ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng hay khắc họa vẻ đẹp của con người mới, trong Bùi Ngọc Tấn sục sôi một “khao khát được viết thật hơn, không chỉ thuận lợi mà còn những khó khăn, không chỉ những người trung thực mà còn những kẻ quan liêu, những tên nịnh hót”^[1], tr.185]. Hoài bão thì nhiều, nhưng giữa những một giai đoạn quá nhiều nhay cảm, tháng 11/1968, Bùi Ngọc Tấn bị bắt tù cải tạo năm năm, với tội danh “Tuyên truyền phản Cách Mạng”. Toàn bộ hơn 1500 trang bản thảo khi ấy bị tịch thu không hoàn trả. 5 năm sống không tên không tuổi, 5 năm với số hiệu CR880 đã khép lại giai đoạn sáng tác đầu tiên của tác giả.

Tháng 3/1973, Bùi Ngọc Tấn được ra tù. Trở lại xã hội, đón đợi ông lại là một quãng dài của những mặc cảm,

của cách đối xử đầy nghi kỵ, phòng bị và thương tổn. Bùi Ngọc Tấn không được phép đi làm tại các cơ quan nhà nước, thường xuyên bị theo dõi, bị tra xét, thẩm vấn. Để duy trì cuộc sống gia đình 6 miệng ăn, nhà văn đã phải lao vào đủ loại công việc lam lũ nhứt: từ bốc vác, kéo xe, làm nước mắm cho đến viết chui. Đến tháng 5/1975, Bùi Ngọc Tấn được nhận vào làm việc tại Quốc doanh đánh cá Hạ Long với cương vị cán bộ theo dõi thi đua. Năm 1995, Bùi Ngọc Tấn nghỉ hưu, tập trung toàn bộ cho chặng đường sáng tác thứ hai của mình.

Tóm lại, Bùi Ngọc Tấn có thể được đồng hiện thông qua nhiều tư thế xã hội. Thứ nhất và quan trọng nhất là tư thế của một người lao động chật vật về kinh tế. Những tháng ngày lăn lộn làm việc nặng nhọc, tiếp xúc với những con người lam lũ, chân chất đã tạo điều kiện cho nhà văn đồng cảm và thấu hiểu tường tận những rung động tinh vi ẩn sâu dưới bề mặt của đời sống nghèo khó, mà nếu không từng sống chết, người ta chỉ có thể phác họa nó bằng những tính từ như cộc cằn, thô lỗ... Vị thế trái ngược của một người gia nhập *Thanh niên xung phong* và người tù không án 5 năm cũng làm cho Bùi Ngọc Tấn có được cái tinh tế trong việc nhìn nhận và phản ánh hiện trạng xã hội, lẫn sự kiên định gửi gắm những tri nhận ấy vào nhân vật, vào trang viết mà không chịu xu thời, nịnh thời bề cong ngòi bút. Tư thế của một nhà văn, hơn hết là một người làm báo nhiều năm với văn phong sáng rõ, gãy gọn cũng hỗ trợ rất nhiều cho ông trong nỗ lực dàn trải gần 20 nhân vật của *Biển và chim bói cá* lên bề mặt trang giấy. Mỗi một nhân vật được phác họa rất giản dị với những chi tiết tiêu biểu, những hoàn cảnh không trùng lặp. Nhưng tựu chung lại, chúng đều vừa vận một cách lạ thường, vừa rất thơ, mà lại đủ sắc sảo như một phóng sự phản ánh thế giới toàn trị đang trên đà tan rã. Sau này, khi tác phẩm ra đời và đoạt nhiều giải thưởng, vị thế nhà văn của Bùi Ngọc Tấn rõ ràng hơn. Tuy nhiên, những biến cố và các tư thế khác nhau đó không mất đi, mà nó trở thành nền tảng quan trọng luôn ẩn hiện hỗ trợ cho “*dự trình và chiến thuật phát triển*”^[3], tr.165], cũng như quan niệm nghệ thuật mà Bùi Ngọc Tấn theo đuổi.

Hành trình văn học (Literary trajectory)

Khi đề cập đến khái niệm “*quãng đường văn nghiệp*” (literary trajectory)^[3], tr.162] Alain Vialacho rằng việc phân chia về “loại” tác giả là một vấn đề hết sức quan trọng. Một nhà văn được gọi là chuyên nghiệp, chỉ khi anh ta có cho riêng mình một “*hành trình văn học*” nhất định. Ngược lại, những người hoạt động nhất thời, không có sự nghiệp được xem là các tác giả

nghiệp dư hay tác giả nhất thời^a. Hành trình văn học của Bùi Ngọc Tấn khá đồ sộ nhưng cũng nhiều chông gai. Văn nghiệp của ông bị chia thành hai giai đoạn với hai quan niệm thẩm mỹ rõ rệt.

Giai đoạn thứ nhất là từ năm 1954 đến tháng 11/1968, Bùi Ngọc Tấn được biết đến với cả tư cách nhà báo và nhà văn. Nghề báo với bút danh Tân Sắc là nghề chính, nghề “lấy ngắn nuôi dài”, dung dưỡng văn chương. Người ta biết đến Tân Sắc, phần nhiều thông qua các bài báo, phóng sự, bút ký, trường ca ca ngợi công cuộc xây dựng Chủ nghĩa Xã hội mới ở miền Bắc và sự anh dũng của quân dân trong việc lại sự phá hoại của Đế quốc Mỹ. Chàng trai vừa qua tuổi 20 xanh ngắt đã sống và viết bằng niềm tin chân thành, bằng lý tưởng thuần phác, tuân thủ tuyệt đối các tham số chung trong hệ quy chiếu hiện thực xã hội chủ nghĩa. Những tác phẩm tiêu biểu giai đoạn này: *Mùa cưới*, *Ngày và đêm trên vịnh Bái Tử Long*, *Đêm tháng 10*, *Người gác đèn của Nam Triệu*, *Nhật ký xi măng*, *Nhằm thẳng quân thù mà bắn...* Cho đến những năm 1968, khi quan niệm nghệ thuật của Bùi Ngọc Tấn đã bắt đầu rõ ràng, hướng đến một kiểu “hiện thực thực nhất”, thì biến cố bất ngờ ập đến, làm rạn vỡ cả một đời văn.

Suốt 5 năm cải tạo, thêm 20 năm lặn lội đủ mọi nghề nghiệp, Bùi Ngọc Tấn từng sợ đọc, và sợ cả viết. Có lẽ, ông sợ phải đọc đi đọc lại những tác phẩm “né tránh đau khổ, quên mất thân phận con người”^[1, tr.476] giữa khung cảnh xã hội nhá nhem đầm nước mắt. Theo ông, tác phẩm đích thực phải đề cập đến các vấn đề nhức nhối, mối quan hệ chông chéo giữa người với người, những được và mất, những cái tương đối, cái hạn định, cái khổ đau, dằn xé của sức mạnh đồng tiền mà sống giữa thời này, ai cũng phải oằn vai gánh lấy. Đằng sau ánh hào quang của một thời đại chiến đấu và chiến thắng, người ta buộc phải nhìn thẳng vào những trụi trần, vào tình trạng vong thân, tự đánh mất mình. Nhìn thẳng và không né tránh, phê phán mà không chùn bước, đấu đối tượng có là cán bộ cao cấp hay cả cơ chế quản lý, lãnh đạo. Mãi về sau này, cho đến những dòng bút cuối cùng, Bùi Ngọc Tấn vẫn kiên định theo đuổi quan điểm nghệ thuật trên.

Giai đoạn sáng tác thứ hai khởi động lại từ năm 1995. Tác phẩm *Một thời để mất*, tập hồi ức của ông viết về Nguyễn Hồng đã xuất hiện trên *Cửa biển*, ghi dấu một sự tái sinh đầy khắc khoải sau 27 năm vắng bóng. Lựa chọn viết về Nguyễn Hồng, Bùi Ngọc Tấn xem đây như một đề tài nhẹ nhàng mà bất cứ lúc nào ông

cũng có thể chạm đến. Những trang hồi ký trong *Viết về bè bạn*, Bùi Ngọc Tấn trân trọng gọi Nguyễn Hồng là người thầy, “người bạn vong niên”, là một “thánh tử vì đạo”, sống chết hết mình cho văn chương chân chính. Bền duyên với nhau từ những buổi tiếp rượu trên sàn căn gác bé xíu, Bùi Ngọc Tấn rất thương quý và đồng cảm với Nguyễn Hồng. Những năm 1958-1959, sau rung chuyển của Nhân Văn - Giai Phẩm, Báo Văn do Nguyễn Hồng làm Tổng biên tập bị kiểm điểm vì đã cho đăng nhiều tác phẩm của Phan Khôi, Phùng Quán, Chu Ngọc... lẫn những tác phẩm gọi lại các bi kịch trong sai lầm về Cải cách ruộng đất. Nguyễn Hồng hứng chịu nhiều áp lực và bị đề nghị đưa ra khỏi Hội Nhà Văn. Sau đó, ông phải đi “lao động thực tế” ở Nhà máy xi măng Hải Phòng. Cực khổ, thất thế, bị cô lập, nhưng Nguyễn Hồng chưa bao giờ và không bao giờ chấp nhận cúi đầu, đi ngược lại với nỗ lực hiện đại hóa văn chương dân tộc. Có thể nói, điểm chung lớn nhất đã kết nối tư tưởng của Bùi Ngọc Tấn và Nguyễn Hồng, đó là dù có bao nhiêu biến cố, bao nhiêu khổ đau, họ vẫn cố gắng gìn giữ một tâm hồn sáng trong, một đời sống văn chương tinh khiết với những diễn ngôn sục sôi khát vọng vạch trần bóng tối và cải tạo xã hội; mặc cho hành trình đó có phải đụng chạm bè phái hay chịu sự chi phối của các cơ chế quyền lực. Lựa chọn viết về Nguyễn Hồng, về nhân phẩm văn chương của Nguyễn Hồng sau khi chính mình cũng phải trải qua rất nhiều dư chấn của Nhân Văn - Giai Phẩm và Chủ nghĩa chống xét lại, Bùi Ngọc Tấn như muốn tái khẳng định về quan niệm sáng tác này, đồng thời, nối dài những dở dang đang còn ập ù trong đời văn *Bi vô* quá nhiều truân chuyên.

Ngòi bút của Bùi Ngọc Tấn đã hoạt động liên tục, ông cho ra đời *Những người rách việc* (1996), *Một ngày dài đằng đẵng* (1999), *Rừng xưa xanh lá* (2004), *Người chân kiến* (2010). Năm 2004, tập hồi ký chân dung *Rừng xưa xanh lá* được Hội nhà văn trao Giải B văn xuôi (không có giải A) như một sự tái thừa nhận về vị thế nhà văn của Bùi Ngọc Tấn.

Đặc biệt, tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000* (2000) và *Biển và chim bói cá* (2008) là hai tác phẩm quan trọng, chứa đựng giá trị và thể hiện rõ nhất quan niệm nghệ thuật của ông. *Chuyện kể năm 2000* sau khi được in và phát hành bởi Nhà xuất bản Thanh Niên đã đột ngột bị thu hồi và tiêu hủy sau 1 tháng. Riêng *Biển và chim bói cá* phát hành năm 2008, dịch và phát hành tại Pháp năm 2011, đến năm 2012 nhận được giải thưởng quốc tế lớn Henri Queffelec, trở thành niềm tự hào của văn học Việt Nam nói chung và niềm an ủi rất lớn cho Bùi Ngọc Tấn nói riêng.

Hành trình xã hội (social trajectory) và hành trình văn học (literary trajectory) đã phác thảo ra một bức tranh tổng thể, trong đó bao hàm nguồn gốc địa lý, xã hội,

^aViệc phân chia tác giả chuyên nghiệp hay tác giả nghiệp dư của A. Viala mang ý nghĩa khảo sát, rằng tư thế xã hội của họ có được hình thành từ hành trình viết văn hay không, chứ không hề có ý định phủ nhận, hạ thấp hoặc đề cao vai trò của từng loại tác giả trong định chế văn học.

trình độ học vấn, các thể loại, quan niệm thẩm mỹ mà nhà văn hướng đến. Các thông tin này, bước đầu tạo điều kiện để khu biệt Bùi Ngọc Tấn với các nhà văn khác cùng thời đại. Đồng thời, nó cũng góp phần lý giải một số ảnh hưởng, các điều kiện cần và đủ, những động lực thúc đẩy hoặc kiềm hãm cho sự ra đời của *Biển và chim bói cá* sau này.

Mối tương quan giữa nhà văn với các định chế và hệ thống liên kết

Về khái niệm “*định chế văn học*” (*literary institution*), Alain Viala cho rằng: “*Thực hành văn học luôn diễn ra trong một phạm vi định chế*” [3, tr.106]. Đó là các cơ quan, một mặt nào đó, có khả năng tác động để nâng những thực hành văn chương lên thành các giá trị trường cửu. Thực ra, định chế văn học chịu sự kế thừa từ lý thuyết về *trường lực* (*champ*) của P. Bourdieu. Việc ứng dụng định chế văn học vào việc nghiên cứu một tác phẩm văn học cho phép chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về quá trình tạo ra tác phẩm cũng như phổ biến tác phẩm. Trong trường hợp *Biển và chim bói cá*, người viết chỉ đưa ra một số thông tin tổng hợp có ảnh hưởng đến nhà văn trong việc sáng tác và giới thiệu tác phẩm.

Biển và chim bói cá là tác phẩm được xuất bản thành công, thuận lợi nhất trong 5 quyển tiểu thuyết của Bùi Ngọc Tấn. Ba quyển đầu, ngay khi chỉ còn là bản thảo, đã bị tịch thu và làm cho người viết nó sống với số hiệu CR 880 suốt 5 năm liền. Hai quyển sau, như đã nói ở phần trên, *Chuyện kể năm 2000* ra đời trước và bị tịch thu, tiêu hủy sau đúng 1 tháng phát hành. Mãi 9 năm sau, quyển tiểu thuyết cuối cùng trong quãng đời lao động nhọc nhằn con chữ của Bùi Ngọc Tấn mới đến được với người đọc. Nói là thuận lợi, nhưng chỉ là thuận lợi hơn những cái có trước, chứ thực ra số phận của *Biển và chim bói cá* cũng phải vượt qua một quãng dài thử thách, miệt mài và đôi khi là mòn mỏi. *Biển và chim bói cá* được xuất bản chính thức vào ngày 28/8/2008, in 2000 quyển. Cơ quan phát hành sách là Nhà xuất bản Hội Nhà Văn liên kết với Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam. Người biên tập sách là Tạ Duy Anh. Trong một bài phỏng vấn truyền thông, Tạ Duy Anh từng kể rằng, bản thảo của *Biển và chim bói cá* từng nằm tại nhà xuất bản Hội Nhà Văn rong rã 2 năm trời. Đó là riêng Hội Nhà Văn, chưa kể còn có các cơ quan in ấn và phát hành khác. Một quyển sách viết về hiện thực bằng lối viết hiền lành, trong sáng, dung dị và “lạ” như thế, ấy mà lại chẳng có ai động chạm để làm cho nó “ra đời”. Sau khi tìm hiểu, ông mới biết rằng người ta “ngại”. Ngại vì cái tên tác giả Bùi Ngọc Tấn vừa có *Chuyện kể năm 2000* bị tịch thu vài năm trước. *Biển và chim bói cá*

với Tạ Duy Anh, tuy cũ nhưng rất mới. Cũ ở đây là tâm niệm phải phản ánh hiện thực, phải nói rõ được những đau thương, mất mát, cái khổ sở, cái bóng tối và bất hạnh của con người. Nhưng đó không phải là cái khổ đau dễ dàng xoa dịu bằng niềm tin, bằng sự tuân phục thể chế đơn lược. Đó là hành trình truy tìm bản ngã, gìn giữ thiên lương và tìm lại thiên lương trong những ngày còn được sống. Chính cái chất viết duyên dáng của Bùi Ngọc Tấn ấy đã góp phần tạo điều kiện cho *Biển và chim bói cá* được phát hành. Ngày 20/3 năm sau (2009), tọa đàm thảo luận về *Biển và chim bói cá* được Nhã Nam tổ chức, thu hút nhiều ý kiến trái chiều.

Bất ngờ, năm 2012 tác phẩm được trao giải thưởng lớn tại Pháp. Ngoài cơ quan phát hành trong nước, cơ quan dịch thuật và in ấn tại Pháp cũng đóng một vai trò xã hội rất lớn trong đời sống của tác phẩm văn học. *Biển và chim bói cá* được chuyển ngữ sang tiếng Pháp bởi dịch giả Tây Hà, phát hành bởi Nhà xuất bản L’Aube dưới cái tên “*La mer et le martin-pêcheur*”. L’Aube cũng là nhà xuất bản từng dành nhiều ưu ái cho tác phẩm Bùi Ngọc Tấn khi đã dịch và xuất bản tập 7 truyện ngắn *Cún* (sau này được tập hợp và in lại thành *Người chăn kiến* tại Việt Nam) dưới cái tên “*Une vie de chien*” năm 2007. “Cún” vừa là tên tập truyện, vừa là một truyện ngắn đặc biệt viết về chủ đề tù đày. Trong đó, Trung – nhân vật chính, một người mới bị bắt tù, chỉ có một người bạn duy nhất là Cún. Bất chấp những thiên kiến quyền lực, tất cả của Cún cũng chỉ là Trung. Thế nhưng Trung bị bắt tù, và Cún đã bị bán cho lái chó sau mấy ngày thoi thóp tìm chủ và gặp tai nạn. Tập truyện ngắn không chỉ diễn tả những khổ sở thể xác, mà còn là cái cô đơn, lạc lõng, cái đau xót tinh thần của những bị bắt tù chính trị và của cả những người thân, bạn bè xung quanh họ. Năm 2011 “*Une vie de chien*” lại được tái bản dưới dạng sách bỏ túi (poche). Có thể nói, tác phẩm của Bùi Ngọc Tấn được phổ biến và đón nhận không gò bó tại Pháp từ rất sớm.

Đến *Biển và chim bói cá*, việc nhận được giải thưởng quốc tế *Henri Queffelec*, khiến cho tác phẩm thu hút rất nhiều sự quan tâm của cơ quan báo chí truyền thông lẫn giới phê bình trong và ngoài nước. *Henri Queffelec* là giải thưởng thường niên mỗi năm (chỉ trao một giải duy nhất, không có giải thứ hai) của *Liên hoan Biển và Sách (Livre et Mer)* được tổ chức tại Pháp, nhằm tôn vinh các tác phẩm viết về biển trên khắp thế giới. *Biển và chim bói cá* đã xuất sắc vượt qua 06 tác phẩm chung khảo để giành được vị trí dẫn đầu. Sau sự kiện, Bùi Ngọc Tấn nhận được hàng loạt bài phỏng vấn từ các báo giấy và báo điện tử uy tín như *VnExpress*, *Người lao động*, *Báo Cán Thơ*, *Báo Lao động*... Ngoài ra, tác phẩm còn được nhiều

nhận xét, phê bình đến từ Nguyễn Xuân Khánh, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Vĩnh Nguyên...

Có thể nói, *Biển và chim bói cá* nói riêng và tác phẩm Bùi Ngọc Tấn nói chung đã có cho riêng nó một đời sống văn chương đặc biệt, vượt ra ngoài mọi rào cản địa lý lẫn các quy phạm về chính trị. Hiếm hoi có một tác phẩm, được công nhận trên văn đàn quốc tế trước, rồi mới được đón nhận nồng nhiệt trên chính quê hương khai sinh ra mình. Phải chăng bởi vì tác phẩm đã bình thản vạch trần những ẩn ngấm lịch sử mà “trường văn học” nước nhà thời bấy giờ, dưới sức ép của các tuyên ngôn “ổn định xã hội” hay sự lép vế trước trường quyền lực, chính trị nên chưa có điều kiện để nhìn nhận thẳng thắn? Và ta cũng có thể đặt ra vấn đề, về tính khả di khi mạnh dạn nhận định *Biển và chim bói cá* lúc này, tiệm cận hơn bao giờ hết với cốt lõi của tinh thần nhân đạo, với những giá trị nhân văn mà con người trên toàn thế giới, không loại trừ một ai, luôn luôn hướng đến bằng bàn năng tự nhiên và chân thành nhất. Sự công nhận tác phẩm Bùi Ngọc Tấn, phần nào cũng phơi bày ra vị thế đối lập giữa các định chế văn học trong những không gian xã hội khác nhau, giữa những đường biên phân chia lãnh thổ khác nhau. Hơn tất cả, tác phẩm chính là minh chứng rõ ràng nhất cho vai trò “tác động ngược” của văn chương, khi được nhìn nhận dưới nhãn quang xã hội học. *Biển và chim bói cá* sau khi đoạt giải đã được *Đài Tiếng nói Việt Nam* đọc toàn bộ và phát thanh rộng rãi trên radio, tạo nên những gợn sóng, tuy bé nhỏ nhưng đã làm lung lay, rung chuyển thực trạng sinh hoạt văn học nhiều dè dặt tại Việt Nam trước đó. Nó đặt ra vấn đề về nhu cầu thành thật khi sáng tác lần tiếp nhận. Văn chương không chỉ để tụng ca, văn chương phải là một thế giới phong phú đa chiều cho phép khơi gợi nhận thức, cải biến nhận thức, từ đó góp phần điều chỉnh xã hội. Người ta có thể yếm thế né tránh, có thể tạo áp lực lên đời sống của một người cầm bút, trong không gian xã hội này; nhưng không bao giờ có thể phủ định và làm chết đi được giá trị của một tác phẩm chân chính, trong nhiều không gian xã hội khác. Ngay từ giây phút một tác phẩm hình thành, chắc chắn bằng một cách nào đó, nó sẽ có đời sống dài hơn tác giả khai sinh ra nó. Nó sẽ nói được nhiều hơn, độc lập hơn, có khả năng tìm được cho chính nó những tư duy đồng điệu, lẫn cảm hóa thêm nhiều tư duy khác. Khi ấy, tác phẩm văn học có khả năng tạo ra những biến chuyển khiến các định chế đang cố gắng kiểm tỏa nó phải bất lực. Đích đến cuối cùng là những cải biến sâu hơn về tinh thần, và đôi khi là cả hành vi của con người, từ đó tái điều chỉnh lại các gồ ghề tổn động lẫn các trật tự, cấu trúc xã hội mà rất nhiều người đã né tránh và đang né tránh. Ấy mới là giá trị chân chính của một tác phẩm văn học.

Ngày hôm nay, khi tác phẩm đã vượt qua được những hạn chế của thời đại, đã có cho mình một đời sống riêng trong tiến trình văn chương nước nhà, ta cũng không thôi ngẫm nghĩ, về những mối liên kết xã hội, những động lực thúc đẩy, khiến cho Bùi Ngọc Tấn sau khi ra tù từ sợ đọc, sợ viết đến viết say mê và được thừa nhận. Nhìn lại những dòng hồi ký trong *Viết về bè bạn*, bên cạnh chân dung của rất nhiều khuôn mặt văn nghệ sĩ, ta lại nhìn thấy chính tác giả, thấy những kỉ niệm vui buồn, những lời động viên chân thành cùng một thế hệ bè bạn sống và chết với văn chương. Có lẽ, mối liên kết sâu nặng và ảnh hưởng đến hành trình sáng tác *Biển và chim bói cá* nhiều nhất là tình bạn tri âm với Hứa Văn Định. Văng vẳng trong những trang hồi ký viết về “Định”, Bùi Ngọc Tấn tái hiện lại như in từng đoạn đối thoại đầy tin tưởng của bạn: “Ông phải viết về đánh cá. Ông ở đây bao nhiêu năm rồi, Ông viết về những thuyền viên bị biển vây quanh, không biết dùng thời gian vào việc gì, vui đâu vào bài bác...” hay “Ông phải viết tiểu thuyết. Tôi tin ông sẽ có những thành công rất đặc biệt. Trách nhiệm của ông nặng lắm.” [1, tr. 166-167]. Cuối cùng thì, niềm tin của Hứa Văn Định đã được nghiệm chứng. Và ngay cả lời dặn dò: “Ông hãy kể những chuyện đau bằng cái giọng hài” [1, tr. 166-167] cũng được tác giả thực hiện một cách hết sức nghiêm túc. Dẫu “Định” của Bùi Ngọc Tấn không thể nán lại để chứng kiến thành công của bạn, nhưng xuyên suốt bao nhiêu năm, đó vẫn là một mối liên kết đẹp đẽ nhất, ý nghĩa nhất trong hành trình sáng tác của nhà văn. *Sống trên điểm chết* của Hứa Văn Định và *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp là hai tác phẩm thôi thúc Bùi Ngọc Tấn trở lại con đường sáng tác. Tuy nhiên, người có ảnh hưởng nhiều nhất đến quan niệm thẩm mỹ của Bùi Ngọc Tấn khi viết *Biển và chim bói cá* chính là nhà văn Nguyễn Hồng. Mãi về sau, người ta vẫn thấy một Bùi Ngọc Tấn đôn hậu, khiêm nhường, nhưng lại kiên định viết về bóng tối, nhiều như ông.

Mối tương quan giữa Bùi Ngọc Tấn với các định chế (cận văn học, ngoài văn học) và hệ thống liên kết, một mặt, giúp tái hiện lại những động lực đầu tiên trong việc hình thành tác phẩm (chuẩn bị ý tưởng, lựa chọn chủ đề, lên kế hoạch sáng tác...). Mặt khác, đó còn là ý thức về sự ảnh hưởng của các tương tác xã hội trong hành trình xuất bản, phổ biến và tôn vinh tác phẩm. Phạm vi định chế và hệ thống liên kết của *Biển và chim bói cá*, có lúc vô cùng phức tạp với những xung lực ẩn ngấm, đôi khi lại yên ả và đầy nhân văn. Dẫu có ra sao, thì tất cả các yếu tố này đều đóng vai trò gần như quyết định trong việc tạo nên số phận cô độc nhưng vinh quang, đau khổ mà tự hào của *Biển và chim bói cá*.

Mối tương quan giữa Biển và chim bói cá với hoàn cảnh mà nhà văn đã sống trải

Tương quan đầu tiên giữa tác giả - tác phẩm rõ ràng nhất đó chính là cấu trúc xã hội. Xã hội trong *Biển và chim bói cá* hiện lên với bức tranh sinh hoạt trong một đơn vị quốc doanh – Liên hiệp đánh cá Biển Đông trước thềm đổi mới. Trước thềm đổi mới, có nghĩa đó là một giai đoạn vô cùng phức tạp, rối ren, khó minh định. Đường như mọi thứ cứ trì trệ, ì ạch, ngay cả cuộc sống của con người, hoàn cảnh lao động, tình yêu, tình người, nhân phẩm, ước mơ... cũng cứ tù đọng, xâm xẩm, mịt mờ trước những đợt sóng ngầm tiềm ẩn. Giữa cái hỗn độn mê man ấy, khi tàn dư bao cấp chưa kịp biến mất thì cơn bão đồng tiền đã xuất hiện, làm biến dạng, méo mó cả một cơ chế. Dễ nhận thấy nhất đó chính là thực trạng quan liêu, của quyền, là một xã hội mà như tổng giám đốc Hoàng Quốc Thắng nói, người ta phải “biết ăn” thì mới sống được. Không những phải “biết ăn”, mà còn ăn chặn một cách công khai, một cách có “văn chương”, không cần xấu hổ. Đó cũng là một xã hội yếu kém về mặt hành chính, làm việc cầm chừng, cạn kiệt nguyên liệu sản xuất, trung thành với cơ chế cho – xin. Trong đó, người trí thức, người thực học không sống được, bị đẩy ra ngoài rìa xã hội. Đó là những Cương, những Cảnh, những Toàn, những con người mòn mỏi trên ghế nhà trường, viết những nghiên cứu khoa học bài bản, có tư duy, có tài năng nhưng lại phải sống âm thầm cảm lạnh. Đơn giản, vì lý do chủ quan hoặc khách quan, họ không có được chức danh Đảng viên, căn cước chính trị để mà thăng tiến; hay thà chịu đói khổ vẫn không thể đánh mất nhân phẩm để mà xu thời, nịnh thời. Dưới bề mặt của những vàng son, những khẩu hiệu thi đua hăng hái hay lời ca ngợi đầy phấn khởi, chính là sự rạn vỡ niềm tin, sự gãy đổ không kiểm soát mọi giá trị. Chẳng hạn trong *Biển và Chim bói cá*, là hơn 20 mảnh đời với những bi kịch xã hội khác nhau. Con người, những người lao động chân chính bỗng trở nên bé nhỏ trước thứ cơ chế méo mó nhưng quyền uy, sừng sững. Nỗi lòng của thuyền trưởng Trần Bôn, cũng chính thực trạng sống và làm việc của biết bao anh em trong Liên hiệp đánh cá Biển Đông: “... anh lại có cảm giác mình bị coi như một thứ công cụ nhằm phục vụ cho những bước thăng tiến của mấy ông lãnh đạo xí nghiệp, để các ông ấy lên chức làm giàu... Nhưng anh cũng thông cảm với trên. Trên cũng là một thứ đê mê chống va. Trên cũng lại bị dưới ép lên và một trên nữa ép xuống. Ai cũng là một thứ đê mê chống va thôi.” [5, tr.85–87]

Không gian xã hội ấy giống hệt với không gian mà Bùi Ngọc Tấn đã từng thuật lại trong tập hồi ký *Viết về bè bạn*. Trước tiên là thuyền trưởng Phan Đình Liên,

sáng ngời với bề dày thành tích chờ vũ khí phục vụ kháng chiến, ấy thế cuối cùng cũng bị lãng quên. Sự cống hiến chân chính của những người anh hùng thời lửa đạn mưa bom, rồi cũng không thoát khỏi quy luật đào thải rất tự nhiên của xã hội đồng tiền. Bản thân Bùi Ngọc Tấn cũng là người đến với Cách Mạng từ rất sớm, gia nhập Đoàn Thanh niên xung phong, rồi về làm báo bằng tất cả chân thành tuổi trẻ. Thế nên, trong số phận của Liên, ta thấy ông ký thác nhiều nỗi niềm, lẫn cái tự trào chua xót khi nhận ra mình đã trở thành một “lớp người” của quá khứ, những con người ôm mộng tưởng của ngày hôm qua. Đó không chỉ là nỗi đau xót khi bị tước đoạt khả năng cống hiến, mà còn là sự cơ cực, bươn chải để giành giật từng miếng cơm cho gia đình, cho vợ con, và cả những nỗ lực, những ước mơ được lao động chân chính để giữ gìn linh hồn, nhân phẩm. Cái dáng hình cô độc của Cương dường như chổng vào dáng hình cô độc của những Chu Lai, Nguyễn Quang Thân, Bùi Ngọc Tấn, Mạc Lâm, Lê Bầu... Bùi Ngọc Tấn và những người bạn của ông, giới văn nghệ sĩ tài năng đương thời, có ai mà không viết thuê. Thậm chí, có người còn bán máu, còn làm đủ mọi nghề nghiệp để kiếm sống. Nhọc nhằn, khổ sở, ấy vậy mà họ vẫn cứ cười xòa thoải mái lấy tiền bán máu đãi bạn, sống lương thiện và đầy đủ tư cách: “*Dù nghĩ chuẩn khỏi nghề đánh giậm nhưng đi tàu nào anh cũng cố gắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ... Được nhìn thấy chân trời dù biết cái chân trời ấy không phải chân trời thật mà chỉ là chân trời bữu kiến*” [5, tr.60]

Trong *Biển và chim bói cá* cũng xuất hiện đến ba nhân vật có án tù. Đó là Thuyền, ở tù ba năm do buôn 4 kilo đá lửa. Là nhân vật Rô bốt Ly, bạn tù của Thuyền. Nhân vật thứ ba là Quán Mèo, một kẻ buôn ma túy và sau này trở thành đàn anh đàn chị có khả năng điều khiển cả luật pháp. Ba con người, ba mức độ phạm tội, nhưng số phận thì lại hoàn toàn khác. Bốn kilo đá lửa của Thuyền, nhỏ nhặt hơn bất kỳ thùng xà phòng, đồng hồ hay thuốc lá Capstan nào khác của đồng nghiệp. Thế nhưng người đi tù là Thuyền. Sau án tù, Thuyền trở về đơn vị trong nỗi mặc cảm ê chề, đóng mình trên một con tàu hồng, làm những công việc vụn vặt nhất. Còn Quán Mèo và Rô bốt Ly lại giàu có, sang trọng và quyền lực. Chỉ cần có tiền, người ta sẽ nhìn họ với đôi mắt ngưỡng mộ và thuận phục. Mọi tội ác dù là ghê gớm nhất cũng chẳng còn nghĩa lý gì. Vậy, câu hỏi đặt ra là, giá trị của luật pháp, của sự thực thi công bằng và đạo đức nằm ở đâu? Cũng là một người tù chính trị bị kết án 5 năm, Bùi Ngọc Tấn cứ đau đầu quay quắt những trăn trở này. Lấy chất liệu từ đời thực, nhưng những nhân vật tù của ông không nói nhiều về lẽ đúng – sai của quá khứ. Có lẽ, Bùi Ngọc Tấn chấp nhận nó và bước qua nó như

một định đoạt của số phận. Nhưng với cương vị của một nhà văn hiện thực, viết bằng tất cả khổ đau lẫn hạnh phúc, ông muốn trải mọi thứ lên trang giấy, rồi giao quyền suy ngẫm và tra vấn lại cho người đọc. Để những người cùng thời và thế hệ sau biết rằng, đất nước chúng ta đã từng đi qua những tháng ngày mà ngay cả thứ đại diện cho lễ phải cũng bấp bênh, chập choạng như thế.

Ngay cả thời đại Bùi Ngọc Tấn sống và thời đại Bùi Ngọc Tấn viết, cũng có nhiều nét tương đồng. Dễ nhận diện nhất là xã hội với những tàn dư bao cấp. Trong *Biển và chim bói cá*, đó là việc mỗi con tàu cập cảng phải mất hàng tấn cá cho những người chờ xin cá trên bờ. Các anh em nhân viên phòng ban sống nhờ vào đủ loại “tình thương” của các thủy thủ dưới nước. Mà những thuyền trưởng, thuyền viên, họ không thể không cho. Một phần vì thương, một phần cũng vì bộ máy quan liêu, tri trệ phải sống bằng quan hệ. Những tàn dư cũ, còn được thể hiện ở văn hóa đấu tố để răn đe, chứng minh uy quyền chính trị. Đó là việc bố Cương – một địa chủ bình thường bị tố là Bí thư Quốc dân Đảng rồi bị kết án tử hình, phải thi hành án tại cây chuối hột sau đình. Mục đích thi hành án ở đó, theo Đội hành quyết là để “giáo dục, phát động nông dân đứng lên”^[5], tr.51]. Kỳ lạ thay, vận mệnh con người, được quyết định một cách chủ quan như thế. Cũng hết như khi còn làm ở Tòa soạn Hải Phòng kiến thiết, tác giả và hai người bạn Nguyễn Bình, Đinh Chương phải sống trong sự đề phòng theo dõi sát sao của các đồng nghiệp khác, chỉ vì họ thuộc diện đáng tình nghi khi có nhiều sách được in. Về sau này, khi đột ngột bị thẩm vấn và kết án, tác giả cũng không biết vì sao. Có lẽ là một ai đó tố, hoặc đơn giản hơn, vì xã hội cần có những án tù để “răn đe”, “chấn chỉnh” các thành phần còn lại.

Xã hội nhiều vấn đề, phức tạp, tồn đọng là thế, nhưng con người rồi cũng phải tiếp tục cuộc sống. Chỉ riêng việc sống thôi, cũng đã là một hành trình gian nan để đấu tranh gìn giữ nhân phẩm, tính người. Bên cạnh các nhân vật như Huy, như Hoàng Quốc Thắng, sẵn sàng dâng vợ cho cấp trên để mưu chức, mưu quyền, thì cũng có những con người ngay thẳng, chân chất được tác giả kí thác nhiều niềm tin và yêu mến. Nhân vật bố Tích mang chức vụ cấp dưỡng chẳng hạn, ông được mệnh danh là “tay nái thân yêu”, và được các anh em tàu 414 rất quý trọng. Ở ông, người ta thấy cả một bầu nhiệt huyết không bao giờ cạn kiệt. Cho dù chỉ làm những công việc nhỏ nhặt nhất, bé mọn nhất, ông vẫn dành hết tâm sức. Phàm trên đời, những gì mà người ta dốc hết trái tim để làm, đều sẽ biến thành nghệ thuật.

Xuyên suốt tác phẩm, còn là hình bóng của những người chồng, người vợ, người cha, người mẹ hết lòng

chăm lo cho gia đình, cần mẫn và chăm chỉ như những con chim bói cá. Đó là nhân vật thuyền trưởng Đàng - bố của cậu bé Phong trong từng trang nhật ký, là Lê Mây, là bác sĩ Bá, là Trần Bôn... Họ cứ lênh đênh trên biển, chịu sóng chịu gió, những túi nhục nơi xứ người, chỉ mong đem về cho gia đình được thêm cân khô mực, vài cục xà phòng: “*Cuộc sống như địa ngục, nhưng vẫn phải sống thôi*”^[5], tr.245]. Những điều này, có khác gì với đời sống trong hiện thực, với những ký ức chân thật trong hồi ký mà Bùi Ngọc Tấn từng thuật lại đâu? Để đảm bảo được những điều kiện sống tối thiểu nhất cho vợ con, nhà văn từng nhận sự giúp đỡ từ bạn bè: “*50 kí lô dậu ở một cửa hàng bán chất đốt phố Trần Khánh Dư... Hay những lúc gạo hết, chị T xúc cho tôi dăm bơ gạo viện trợ không hoàn lại*”^[1], tr.173]. Giữa mệnh mang thực - ảo, giữa sự đổi thay của nhiều giá trị, có những con người, làm cả đời chỉ với ước mong nuôi đủ cho vợ con. Nhân vật quản lý thi đua Toàn, cũng là một nhân vật đáng chú ý. Đây là kiểu người không gặp thời, hết lần này đến lần khác không có duyên trở thành Đảng viên. Sau bao nhiêu năm phấn đấu, cuối cùng lại trở thành một chiếc bóng, một vị trí luôn luôn sợ hãi bị cắt giảm biên chế. Sau khi ra tù, Bùi Ngọc Tấn cũng từng làm việc tại Quốc doanh đánh cá Hạ Long với cương vị nhân viên quản lý thi đua. Thế nên, ông hiểu những nỗi niềm chua xót của những con người sống giữa dẫu gạch nối của hai thời đại: “*Cuộc đời thật ngắn ngủi và thế hệ chúng tôi đã bắt đầu sự kết thúc kiếp phù sinh của mình. Tất cả chúng tôi sắp đi qua hành tinh này mà không để lại vết xước nào*”^[1], tr.169].

Ngoài những tương đồng được nhận diện bằng cách đối chiếu tác phẩm với đời thực, mối tương quan giữa *Biển và chim bói cá* với hoàn cảnh mà nhà văn đã sống trải còn được chính nhà văn thừa nhận. Trước hết đó là chất liệu để viết nên tác phẩm. Cảm hứng viết tác phẩm này được ấp ủ từ ngày ông còn công tác tại Quốc doanh đánh cá Hạ Long, nhưng lại ươm mầm và lớn lên qua những trang nhật ký có thực của Ngô Xuân Phong và lời kể của Lê Chí Sĩ. Cả hai người này đều là bạn thân của của con trai nhà văn. Những đoạn nhật ký này không bị xóa đi, mà được Bùi Ngọc Tấn đưa vào trong tác phẩm theo cấu trúc đứt đoạn, phân tán. Theo đó, nhân vật thuyền trưởng – bố Phong và Lê Mây – bố Lê Chí Sĩ là hai nhân vật có thực. Ngay cả câu chuyện Lê Mây nghiện rượu, sự thất bại, bị hải quan “giết” hẳn mấy chuyến hàng khiến nợ nần chồng chất cũng là có thực. Hơn nữa, các địa danh như Bãi Cháy, Vụng Ngoc... cũng là những nơi chốn mang nhiều kỷ niệm đối với Bùi Ngọc Tấn.

Văn chương là một hiện tượng được xây dựng trên các nguyên tắc tương đồng với đời sống, xã hội. Với *Biển và chim bói cá* cũng vậy, tiểu thuyết này chứa đựng rất

những dấu vết rải rác mà nếu để ý, ta có thể rất dễ dàng bắt gặp chúng trong cuộc đời nhà văn. Đó là những gì ông và cả thế hệ của ông đã chứng kiến, đã sống chết, chiêm nghiệm và day dứt suốt hơn 70 năm đăng đàn. Những vết tích này, dù cố ý hay vô tình, nó cũng đã đi vào tác phẩm, trở thành một mắc xích quan trọng, một thứ ngôn ngữ ẩn ngấm mang đậm dấu ấn xã hội học sáng tác.

Biển và chim bói cá: một nỗ lực tự chủ trong xây dựng căn tính nhà văn

Để tìm hiểu về mức độ tự chủ, mối quan hệ giữa nhà văn và chính diễn ngôn của mình, ta có thể tiến hành thông qua việc tìm hiểu vị thế của Bùi Ngọc Tấn nhìn từ “lý thuyết trường” của P. Bourdieu. “Trường” (*champ*), chính là một không gian chứa đựng các lực hấp dẫn. Ở đó, tùy thuộc vào các các *mối liên hệ* hiện diện trong trường (động lực, tham vọng xã hội, khuynh hướng và các loại vốn...) mà mỗi người chúng ta đều bị đẩy về phía các cực âm hoặc dương, bị bắn vào với những xung lực, quán tính vật lý khác nhau, để thực hiện các quỹ đạo xác định. Trường văn học (*literary champ*), theo Phạm Văn Quang: “Cấu trúc của nó là một tình trạng của mối quan hệ về lực giữa các tác nhân hay giữa những định chế tham gia vào cuộc đấu tranh trong trường... Đó là cuộc đấu tranh giữa những người cố gia nhập vào trường và tìm kiếm ở đó một vị trí và những người thống trị muốn duy trì sự độc tôn của trường”. [3, tr.77]. Khi đề cập đến cấu trúc của “trường văn học”, Bourdieu chia nó ra thành hai loại (hay còn gọi là hai phạm vi sản xuất – do ông coi sáng tác là một hành động sản xuất): sản xuất rộng và sản xuất hẹp.

Nghiên cứu về các điều kiện sống, điều kiện sáng tác, kết hợp với “tâm tính” (*habitus*) nhà văn, mức độ hội nhập và những tương quan với các đặc tính cận văn học phía trên, người viết xếp Bùi Ngọc Tấn vào phạm vi sản xuất hẹp. Sau những rạn vỡ, đứt gãy của sự nghiệp, Bùi Ngọc Tấn cầm bút viết *Biển và chim bói cá* lại là khi ông gần bước qua tuổi 70 cuộc đời. Lúc này, hơn cả những mưu cầu về kinh tế, là khát vọng dẫn thân cho thứ văn chương đích thực. Rõ ràng, *Biển và chim bói cá* chưa bao giờ là một “món ăn đại trà”, dễ hiểu, dễ thấm. Tác giả cứ âm thầm, miệt mài moi hết ruột gan để trút ra những ưu tư, trần trụi. Ông không quan tâm đến những chuẩn mực và lối viết hiện hành. Không muốn bắt chước ai, cũng chẳng tập tành kêu gọi, quảng cáo theo ai. Ông vẫn là chính ông, vẫn là một Bùi Ngọc Tấn viết 5 tiểu thuyết thì hết 4 tiểu thuyết có số phận đầy sóng gió. Có lẽ, nói như nhà văn Diêm Liên Khoa, đã đến cái tuổi 60 – 70, lúc này người ta không còn quan tâm đến việc có được in hay

không, đến các cơ chế kiểm duyệt ra làm sao nữa. Khi thời gian gần cạn, nhà văn đích thực phải chạy đua, chạy đua để phơi lên trang giấy những câu chuyện, những góc ngách, những chất chiu mà mình ấp ủ. Dưới khía cạnh của cực sản xuất hẹp, và dưới nhân quang của xã hội học văn học, ta nhận thấy đâu đó, là những “hoài nghi về các chuẩn mực tiền lập, và hoài nghi cả về sự hình thành các cơ quan định chế thừa nhận hợp thức hóa tác phẩm”. [3, tr.86] Bùi Ngọc Tấn không chỉ khước từ yếu tố kinh tế tác động vào văn chương của mình, nhà văn còn khát vọng nắm giữ một sự tự chủ chính đáng trong khía cạnh văn hóa. Thay vì đặt nặng các vấn đề ngoại văn học, Bùi Ngọc Tấn hân hoan mong đợi sự thừa nhận từ các đồng nghiệp chuyên môn và độc giả tinh hoa nhiều hơn.

Ngoài ra, nếu xét trong mối tương quan giữa trường văn học và trường quyền lực, chúng ta cần ý thức được một vấn đề rằng tình trạng chung của các quốc gia có diễn trình lịch sử chính trị khá phức tạp và nhiều biến động như nước ta trước đây, thì trường văn học vốn dĩ đã có sự lép vế và bị đẩy về phía ngoại vi so với trường quyền lực. Đối với một nhà văn thuộc cực sản xuất hẹp (đề cao nguyên lý tự chủ so với các nguyên lý thống trị về chính trị và kinh tế) trong trường văn học, thì vị thế xã hội của Bùi Ngọc Tấn càng xa trung tâm. Nhưng vẫn là Bùi Ngọc Tấn, hiền lành, mến quý, vẫn là nhà văn viết khổ đau nhiều nhưng bằng thái độ hết sức lạc quan, hài hước; việc không chờ mong, không cưỡng cầu danh lợi lại càng khiến cho ngòi bút của ông thăng hoa, tự do và bộc lộ rõ ràng căn tính của mình hơn.

Biển và chim bói cá là tác phẩm hiện thực phơi bày không ngần ngại tất cả những khổ đau oan khuất nhất của một thời đại hỗn mang, nhiều xáo trộn. Tuy nhiên, thế giới nghệ thuật của Bùi Ngọc Tấn không phải màu trắng, cũng không phải đen, mà là màu xám. Bùi Ngọc Tấn đưa vào *Biển và chim bói cá* một quan điểm rất quan trọng: quan điểm của sự chấp nhận và dung thứ. Trong tác phẩm, dù là tội ác tày đình như Hoàng Quốc Thắng, như Huy, Bùi Ngọc Tấn cũng cho phép nhân vật tự biện. Chẳng hạn, lí lẽ về việc “biết ăn”, đó là lựa chọn của mỗi người, ông chưa bao giờ tự cho mình quyền được phán quyết. Đối với việc khối văn phòng xuống thuyền xin cá, xin đủ thứ “tình thương” cũng vậy, dù biết là sai, nhưng thông qua những suy tư của cánh thủy thủ, Bùi Ngọc Tấn lồng ghép vào đó đôi mắt rất bao dung. Người ta nghèo quá, khổ quá, mà giữa cái miếng ăn tối thiểu để nuôi sống gia đình với câu chuyện lựa chọn đạo đức đúng sai thì thật là bất khả. Sống trên đời, người ta có quyền lựa chọn lối đi, cũng như lựa chọn lương tri. Nhưng những lựa chọn ấy, đang nằm trên đường biên chung

của các lợi ích về kinh tế, quyền lực lẫn văn hóa, đạo đức. Vấn đề là, chúng sẽ tiếm cận và hiệp thương với chủ nghĩa nhân đạo hay bất chấp tất cả để đạt được các mưu cầu danh lợi?

Không chỉ dừng lại ở việc tả thực, Bùi Ngọc Tấn còn đưa vào trang giấy biết bao nhiêu sự sáng trong, hồn nhiên và hy vọng. Thoát khỏi cách xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình, Bùi Ngọc Tấn dàn trải lên bề mặt tác phẩm hơn 20 “mảnh vỡ” nhân vật. Mỗi người có một câu chuyện, một số phận, một thông điệp rất hiện sinh. Chúng cứ xô lệch, khi thì chặt chẽ, khi thì lỏng lẻo mà theo cách nói của Bùi Ngọc Tấn, đấy mới là cuộc đời! Cuộc đời với những con người “mang nghiệp, mang lấy những nhếch nhác trần ai” của một thời đại lịch sử vừa đi qua. 500 trang sách khép lại như một tiếng thở dài, vang vọng khắp thính không là những ưu phiền nhẹ tênh.

Xét về mức độ tự chủ của tác phẩm trong định chế văn học, rõ ràng là *Biển và chim bói cá* vẫn còn chịu rất nhiều ảnh hưởng của các tác nhân nhà nước, chính trị trong việc phổ biến tác phẩm. Tuy nhiên, xét về sự khía cạnh tự chủ trong sáng tác, Bùi Ngọc Tấn đã đủ cơ sở để thiết lập “hoạt động nhà văn” của ông, thông qua sự từ chủ về phong cách, đam mê, sự xác định nhiệm vụ, thiên chức cho chính mình.

KẾT LUẬN

Biển và chim bói cá nhìn từ phê bình xã hội học, không chỉ là quá trình tìm hiểu về xã hội thông qua văn chương. Hơn hết, đó còn là nỗ lực đi tìm sự tự chủ trong văn chương (dù nhiều hay ít) so với các lĩnh vực khác. Văn học như là một đối tượng thẩm mỹ, nó vừa chứa đựng các đặc tính xã hội lịch sử, lại cũng mang đậm dấu ấn sáng tạo và những kì vọng cá nhân. Thế nhưng vấn đề là, nỗ lực và những dự tính tiến sáng tạo này có thể đạt đến bao nhiêu phần, dưới các tác động qua lại giữa môi trường, nhà văn và tác phẩm? Trong *Biển và chim bói cá*, mối quan tâm này có thể được tóm lược lại thành hai luận điểm:

Thứ nhất, *Biển và chim bói cá* là sự tái sinh đầy xúc động với một “tư thế” nhà văn hoàn chỉnh của Bùi Ngọc Tấn sau 27 năm khắc khoải. Bùi Ngọc Tấn đã trở lại văn đàn từ trước đó, trong những trang hồi ký về Nguyễn Hồng, và về bè bạn của mình. Tuy nhiên, khi tác giả đặt bút để viết một tiểu thuyết sau quãng dài của những gầy đổ, có nghĩa là ông đã đạt đến “độ chín” trong sự tri nhận về thế giới quan, đồng thời trên đà sáng tạo và lan tỏa một kiểu thế giới quan mới. Với *Biển và chim bói cá*, đó là thế giới quan của một trí thức Việt luôn luôn ý thức về *nhiệm vụ xã hội* của mình. Trước cứ liệu đời sống, cùng nhu cầu cấp thiết của giai cấp và thời đại mà mình thuộc về, không có một hướng đi nào phù hợp với Bùi Ngọc Tấn hơn là viết về hiện thực, nói về những gì mà mình

và thế hệ của mình từng sống trải. Chính dấu vết xã hội ấy đã biến *Biển và chim bói cá* trở thành một tiểu thuyết mang tinh thần dẫn thân tự do. Khác với các tác phẩm hiện thực phê phán trước đó, hiện thực của *Biển và chim bói cá* không phải là những “hiện thực điển hình” để có thể dễ dàng giải quyết bằng sự tuân phục thể chế, mà là hiện thực đầy bế tắc, ngổn ngang của một xã hội toàn trị đang trên đà tan rã ít người dám đề cập.

Thứ hai, khi xét trong mối tương quan với các định chế và trường văn học, có một vấn đề cần được xem xét từ nhiều khía cạnh: đó là mối quan hệ của nhà văn với điển ngôn của người ấy. *Biển và chim bói cá* là quyển tiểu thuyết cuối cùng và cũng là tiểu thuyết duy nhất được xuất bản thành công. Mặc dù, chúng tôi đã đề cập trong các phần phân tích phía trên rằng Bùi Ngọc Tấn đã kiên định chọn một lối đi riêng giữa dòng sáng tác chung cùng thời đại. Thế nhưng, ta không thể không đặt ra quan điểm, rằng có hay không một quán tính về sức ỳ, dưới những tác động của các định chế và quyền lực? Rõ ràng, tuy thuộc trường sản xuất hẹp, nhưng nếu ta so sánh về cách viết và độ “thẳng thẳng” trong *Biển và chim bói cá* với hai tập của *Chuyện kể năm 2000* bị thu hồi trước đó, thì *Biển và chim bói cá* có vẻ nhẹ nhàng hơn khi viết về bi kịch. Trước trách nhiệm hiện thực hóa vai trò của mình, đâu là biên giới của cơ chế tự kiểm định nơi nhà văn? Cơ chế kiểm định ấy là vô thức, hay có ý thức? Mức độ tác động của xã hội đến hành trạng sáng tác của tác giả đậm đặc đến mức nào? Nói như vậy có nghĩa là, điều kiện tiên quyết để nhìn nhận về sự tự chủ của tác phẩm, đó là nó luôn luôn phải được đặt trên cơ sở tương quan giữa văn chương và xã hội.

Phê bình xã hội học, bản thân nó mang trong mình những phức tạp nội tại, vừa tương đồng, vừa tách biệt. Những mâu thuẫn từ hai phương diện này, nếu được nhìn nhận theo hướng tích cực, đôi khi, nó cho phép chúng ta gọi mở nhiều kiến giải mới, vượt lên trên những quy luật tiền lập. Nghiên cứu *Biển và chim bói cá* theo xã hội học văn học, chính là quá trình phá vỡ các đặc tính cố kết đầy lý thú và nhiều thách thức như vậy!

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Sưu tầm tổng hợp tài liệu, cung cấp hướng tiếp cận tác phẩm từ lý thuyết xã hội học văn học – một lý thuyết vẫn còn gọi mở trong trường hợp *Biển và chim bói cá* nói riêng và sự nghiệp văn học Bùi Ngọc Tấn nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tấn BN. Viết về bè bạn. Hải Phòng: Nhà xuất bản Hải Phòng. 2003;.
2. Thủy LP, Ngọc NP, Kiên PN. Xã hội học văn học. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia. 2018;.
3. Quang PV. Xã hội học văn học–Một số vấn đề cơ bản. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia. 2019;.
4. Vinh DP, Tấn BN. Văn “Sống để kể lại”: Tiến phong [serial online] [cited 2009 May 17]. 2009;Available from: <https://www.tienphong.vn/van-hoa/bui-ngoc-tan-van-song-de-ke-lai-161044.tpo>.
5. Tấn BN. Biển và chim bói cá. Hà Nội: Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. 2008;.

The Sea and the Kingfisher of Bui Ngoc Tan : on the perspective of sociocriticism

Nguyen Thi Thao Ngan *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

“The Sea and the Kingfisher” (French: *La Mer et le martin-pêcheur*) is a special novel written by Bui Ngoc Tan. This work is not only the pride of contemporary Vietnamese literature in general and Hai Phong literature in particular when it won the Henri Queffenlec Award in France in 2012; but also the stamp of the author's journey “resurrection of the dead”, after more than 5 years of imprisonment and 20 years of torture of reading and writing. Because of his special circumstances, social change is always reflected in Bui Ngoc Tan's work. “The Sea and the Kingfisher” is the same as a little cosmos, a panoramic discourse reflecting all of the love and sorrow of a generation having to face so many incidents and ideological conflicts. Above all of the limited literature, “The Sea and the Kingfisher” is a worthy writing. This is seen as a realistic novel, straight and steady, which exposes a world that is still deep in darkness, beneath the golden and glamorous slogan. There are honest people buried deep in the bottom, crumpled and writhed, silently alive, and silently dead. “Belles-lettres” of Bui Ngoc Tan, is a chord of many “words” that were invoked from thousands and thousands of lives of anonymity in the same era. It is both pristine, bitter, and a sigh of pain, laden with deep thoughts. It's also the crystallization of the love of life and faith, thus the aspiration of social transformation. Using the sociocriticism, the writer focuses on researching the relationship between life and the working life of Bui Ngoc Tan through his works. And then, we will reach a deeper understanding of the value of Bui Ngoc Tan's literary heritage, the morality or the self-consciousness of the writer's social role, and the aspirations to improve society by literature that he cherished all life.

Key words: Bui Ngoc Tan, The Sea, and the Kingfisher, Sociocriticism

Binh Tri Dong B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thi Thao Ngan, Binh Tri Dong B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: nguyennhan271295@gmail.com

History

- Received: 17/8/2019
- Accepted: 12/03/2020
- Published: 30/3/2020

DOI : 10.32508/stdjssh.v4i1.534



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Thi Thao Ngan N. *The Sea and the Kingfisher* of Bui Ngoc Tan : on the perspective of sociocriticism. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 4(1):226-237.